

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 633/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Đặng Phúc H; sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Số 23, tổ 49, Khu phố 4C (Tổ 14, Khu phố 4 cũ), phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bà Nguyễn Thị D; sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Xã Ia Hiao, huyện P, tỉnh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Phúc H và bà Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông H, bà D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông H, bà D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông H, bà D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông H, bà D mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Phúc H và bà Nguyễn Thị D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông H, bà D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Ông H, bà D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông H, bà D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông H, bà D mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000574 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông H, bà D đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP. B (2);
- Chi cục THADS TP. B (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: HS, VP, TP (3)

THẨM PHÁN

Lê Ngọc T